TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH K

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26/3/2019
V/v: " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Lâm Vương Mỹ Linh**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trần Văn Lý**
Bà Lê Thị Hoàng Yến
- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: **Bà Lê Thị Quỳnh Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Trang** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 39/2018/ HNGĐ/ST ngày 24/5/2018 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/02/2019 giữa các đương sự :

* *Nguyên đơn*: Ông **Trần Đạo Q** - sinh năm: 1990

Địa chỉ: Số 16 L, tổ dân phố số 7, NH, thị xã N, tỉnh K. Vắng mặt tại phiên tòa (Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** *Bị đơn:*** Bà **Nguyễn Quốc Phi P** - sinh năm: 1986
Địa chỉ: 3433 B Ave Rosemead CA 91770, USA
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – ông Trần Đạo Q trình bày:

Ông và bà Nguyễn Quốc Phi P tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh K. Sau khi vợ chồng ông bà đăng ký kết hôn, do cách trở về địa lý và không phù hợp về tính tình nên giữa hai bên thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Từ nhiều năm nay vợ chồng ông bà không còn liên lạc, không còn yêu thương, quan tâm lẫn nhau. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà P không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân tỉnh K đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Quốc Phi P nhưng không có kết quả. Tòa án đã có văn bản yêu cầu Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thông báo trên cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện ngoại giao tại Hoa Kỳ, thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án cho bà Nguyễn Quốc Phi P về việc tham gia tố tụng và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nói trên tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K nhưng bà Nguyễn Quốc Phi P vắng mặt, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu ý kiến về vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Đạo Q được ly hôn bà Nguyễn Quốc Phi P. Về con chung: ông Q và bà P không có con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân tỉnh K đã tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Quốc Phi P nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ, trụ sở Tòa án và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ theo quy định tại Điều 474, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, ngày 26/3/2019, ông Trần Đạo Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn – ông Trần Đạo Q và bị đơn - bà Nguyễn Quốc Phi P.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Ông Trần Đạo Q và bà Nguyễn Quốc Phi P tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 472/2013, quyển số 03 ngày 30/12/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của ông Trần Đạo Q, vợ chồng ông bà thường xuyên phải sống trong tình trạng xa cách về địa lý và không hòa hợp tính cách nên hay phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, nhưng vợ chồng ông Q và bà P đã sống xa nhau nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, hiện tại ông bà đã không còn liên lạc với nhau nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa ông Q

và bà P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của ông Q là có căn cứ, phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông Q và bà P không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí:* Ông Trần Đạo Q phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điều 51, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Trần Đạo Q được ly hôn bà Nguyễn Quốc Phi P.

2. *Về con chung:* Ông Q và bà P không có con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Ông Trần Đạo Q phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000551 ngày 21/5/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh K. Ông Q đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn – ông Trần Đạo Q được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn – bà Nguyễn Quốc Phi P được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 1 tháng kể từ bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Vương Mỹ Linh

Nơi nhận:
- *TAND CC tại Đà Nẵng*
- *VKSND CC tại Đà Nẵng*
- *VKSND tỉnh K*
- *THADS tỉnh K*
- *UBND tỉnh K*
- *Các đương sự*
- *L- u hồ sơ, án văn.*